

Bản án số: 142/2025/HS-PT
Ngày: 14 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	ông Nguyễn Tấn Long
<i>Các Thẩm phán:</i>	ông Trương Công Thi. ông Phùng Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo **Phan Thanh V** về các tội “Giết người”, “Cướp tài sản”; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phan Thanh V**, (Tên gọi khác: không có), sinh ngày 01/8/1953 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú hiện nay: **Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau**; nơi thường trú trước khi phạm tội: **thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Thanh N** (chết) và bà **Phạm Thị N1** (chết); có 02 vợ đều không đăng ký kết hôn là bà **Nguyễn Thị T** và bà **Nguyễn Thị Kim S**; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2024 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa theo luật định cho bị cáo **Phan Thanh V**: ông **Nguyễn Xuân V1**, Văn phòng Luật sư KB và Cộng sự; địa chỉ: **Số A đường C, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/3/1981, Nguyễn Minh C (SN: 1938; nơi thường trú: thôn C, xã B, huyện B), Bùi Văn L (SN: 1942; nơi thường trú: thôn C, xã B, huyện B) đi làm công tác nghĩa vụ quân sự, gặp Phan Thanh V (SN: 1953; nơi ở trước năm 1982: thôn A, xã B, huyện B) tại ngõ nhà V, V mời C và L vào nhà uống nước và V hỏi “Kỳ này xã ta có người vượt biên không” C đáp “Số người vượt biên bắt được đưa về huyện rồi”. V nói tiếp “Bọn Ba Tàu không bắt lại bắt chi dân mình”. C hỏi “Ba Tàu ở đâu mà bắt”, V đáp “bọn Ba T1 ở S đi hiểm gì, như cá với nước”, C nói “Mày có cái mồm để lừa họ lấy tiền chứ làm được việc gì mà nói”. Sau đó, C và L đi làm nghĩa vụ quân sự. Vài ngày sau, V vào quận P, thành phố Hồ Chí Minh lừa dối, móc nối được một số người muốn trốn (vượt biên) đi nước ngoài, đưa về xã B.

Ngày 06/4/1981, V cùng với Bùi Văn T2 (SN: 1949, nguyên quán: Xã T, TP .) dẫn một số người muốn trốn đi nước ngoài ở TP . về xã B, gồm có: Phạm Thị Phương T3 (sinh năm 1957, nơi thường trú: số 333/12/4 đường N, quận T, TP .), Hoàng Vũ A (sinh năm 1942, nơi thường trú: số C đường X, Phường B, quận B, TP .); Trần Thị Kim P (sinh năm 1952), Nguyễn Tuấn K (sinh năm 1970) đều trú tại: số A đường Đ, Phường A, quận B, TP .; anh em ruột Trịnh Đức B (sinh năm 1955) và Trịnh Đức B1 (sinh năm 1962) đều trú tại: số A, đường X, Phường F, Quận A, TP .; Bùi Quang Á (SN: 1963, nơi thường trú: Số A, đường P, quận P, TP .) và 03 cha con ông Võ Bá B2 (sinh năm 1941; nơi thường trú: số B đường B thuộc phường B, Quận B, TP .).

Khi đến Bến xe Q, V bảo Bùi Quang Á đưa 03 cha con ông B2 và 02 anh em B và B1 về ở nhà ông Bùi M (sinh năm 1948; nơi thường trú: thôn P, xã T, TP ., là chú của Á) và nói với ông là về thăm và mời chú vào dự đám cưới. Còn Phan Thanh V dẫn Phạm Thị Phương T3, Hoàng Vũ A, Trần Thị Kim P và Nguyễn Tuấn K về gọi ở nhà ông Phan Thanh N (sinh năm 1910; nơi thường trú: thôn C, xã B, huyện B, là cha của V) và nói với ông N là khách của V ở TP Hồ Chí Minh ra chơi ít bữa và nhờ ông N nấu ăn cho họ.

Cùng ngày, V gặp C và nói “Bọn vượt biên ở S đã ra rồi, toàn là bọn B, có 02 tên Trung úy ngụy và gia đình nó đi theo, bọn này giàu có, nó hứa đi được cho cả gia tài của nó”, C đáp “Cứ bắt cho nó đi tù”, V nói “Như vậy tôi dẫn nó ra đây làm gì”; nghe vậy, C nói “Bọn này khừ hết nhưng phải gặp L để bàn đã”.

Chiều ngày 06/4/1981, C đến trụ sở UBND xã B gặp Bùi Văn L trình bày ý đồ của V về việc giết chết các tên “Ba Tàu” để lấy vàng chia nhau thì L nói “Thằng V nó nói một đường làm một nẻo chưa chắc là đúng vì nó đã bị Công an bắt 02 lần cũng về việc vượt biên”; L hứa trưa ngày 07/4/1981 sẽ gặp V tại nhà C và cũng trong sáng ngày 06/4/1981, V đến nhà Võ Văn T4 (sinh năm 1954; nơi thường trú: thôn C, xã B, huyện B, nguyên Xã Đội trưởng xã B) nói với T4 “Tao đã dẫn bọn Ba Tàu vượt biên đang ở nhà tao, anh C và anh L đều đồng ý thủ tiêu để cướp vàng chia nhau” và bảo T4 trưa ngày 07/4/1981 đến nhà C để gặp L. Đồng thời, C đến gặp Bùi Thanh S1 (SN 1957, nơi thường trú: thôn C, xã B, huyện B) bảo S1 đi chở người vượt biên lấy tiền, S1 nói “Người đâu mà chở”, C bảo S1 phải giữ bí mật và trưa ngày 07/4/1981 đến nhà C để bàn việc.

Khoảng 12 giờ ngày 07/4/1981, tại nhà C gồm có: C, L, T4, V và S1, tại đây C đưa ra 02 phương án:

Một là: Đưa hết số người đó ra biển trời chặt lại, lục lấy hết tài sản rồi cột đá vào người thả xuống biển phi tang.

Hai là: Đưa ra bãi cát P, xã B bắn chết, cướp lấy tài sản rồi đào hố chôn sâu để phi tang.

Tất cả thống nhất với phương án thứ nhất, rồi Nguyễn Minh C phân công L mang súng Carbin của L, T4 mang súng K54 của T4, còn súng AR15 của du kích xã B đưa cho S1, C mang súng Colt 45 của C; V chịu trách nhiệm dẫn người ra nơi đã định đúng 22 giờ ngày 08/4/1981 để hành động.

Theo kế hoạch bố trí, khoảng 19 giờ ngày 08/4/1981, V đến nhà ông Bùi Dư D Trịnh Đức B và Trịnh Đức B1 đem giao cho T4 giữ. V đến nhà ông N dẫn Phạm Thị Phương T3, Hoàng Vũ A, Trần Thị Kim P và Nguyễn Tuấn K ra nhập chung rồi đưa tất cả đến bãi cát thôn P, xã B và bảo T4 đi liên lạc với C, L và S1, còn V ngồi giữ 06 người.

Khoảng 20 giờ ngày 08/4/1981, C, L và S1 mang súng đến, C nói “Hôm nay gió N2 to quá, ghe không đi được, phải thực hiện phương án 2”. L nói “Tôi sợ quá”, C nói tiếp “Bọn Ba T1 sợ cái gì, chứ dân thì ai xúi giục làm gì”; sau đó tất cả thống nhất phương án 2 rồi L vào nhà lấy súng, lấy cuốc và một số dây thừng, C vào nhà L lấy 01 miếng vải dù, rồi cả bọn C, L, S1 xách súng ra nơi tập kết liên lạc với T4, báo cho T4 biết thực hiện phương án 2 là “Bắt trời, bịt mắt, bắn chết, cướp của rồi chôn tại chỗ”. Võ Văn T4 lần lượt dẫn anh em B và B1 đến nơi C phục kích, C nhảy ra bắt giờ tay, bịt mắt và trời chặt, bảo L và S1 ngồi giữ; đồng thời, chị P, chị T3, anh A và K, vừa dẫn đến cũng để ngồi chung một chỗ.

Đầu tiên, T4 dẫn chị Phạm Thị Phương T3 và anh Hoàng Vũ A đến giao cho C, C dùng súng Colt 45 bắn anh Hoàng Vũ A 01 phát chết ngay tại chỗ, rồi C đe chị T3 ra hiếp dâm; hiếp xong, C lật úp mặt chị T3 xuống cát đè chặt và bóp cổ chị T3 cho đến chết. Tiếp đó, T4 và S1 dẫn anh em B và B1 đi 01 đoạn, T4 dùng súng K54 bắn B chết, ngay lập tức S1 dùng súng AR15 bắn B1 01 phát nhưng chưa chết, còn kêu la thì T4 bắn thêm 01 phát vào người B1 làm B1 chết.

Sau khi giết chết Hoàng Vũ A, Phạm Thị Phương T3, Trịnh Đức B và Trịnh Đức B1 thì cả nhóm lục soát lấy tài sản của họ rồi cùng nhau đào 02 hố chôn xác; hố thứ nhất chôn Hoàng Vũ A và Phạm Thị Phương T3, hố thứ hai chôn Trịnh Đức B và Trịnh Đức B1.

Tiếp đó, C, T4, S1 lên cồn cát cao, đào sẵn 01 hố sâu, L, S1 và V dẫn chị P và K đến đứng bên miệng hố, V dùng súng AR15 bắn 03 phát làm chị P và K ngã xuống hố nhưng chưa chết, lom khom bò lên; S1 dùng súng Carbin bắn 01 phát nữa nhưng chị P và K vẫn chưa chết thì cả nhóm lấp cát chôn sống nhưng chị P và K vẫn đội cát bò dậy; V và T4 dùng cuốc đánh mạnh nhiều cái vào đầu chị P và K làm hai người này chết, rồi cả nhóm cùng nhau lấp cát lại, lấy lá khô phủ kín lại.

C, T4, L, S1 và V giết xong 6 người, cướp lấy tài sản đem về nhà L chia nhau mỗi người 02 chỉ vàng, 50 đồng, quần áo, đồng hồ, thức ăn... và cùng nhau ăn bánh kẹo. Sau khi chia xong tài sản cướp được, L viết thư phân công V cầm thư vào TP. lừa dối gia đình có người đi vượt biên để nhận 05 lượng vàng theo lời hứa của họ để đem về chia cho mỗi người 01 lượng. V cầm thư vào TP. đến nhà ông Huỳnh T5 (SN 1927; nơi thường trú: số F đường Đ, phường E, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, là anh của Hoàng Vũ A) nhận lấy 01 lượng vàng và bỏ trốn, sau đó sống tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Chiều ngày 10/4/1981, L nghe tin chó moi xác người ngoài bãi cát nên báo cho C biết rồi đến khoảng 19 giờ cùng ngày, C, T4, L và S1 vác cuốc ra chỗ chôn xác đêm ngày 08/4/1981 bị chó moi, đào 01 hố khác cách khoảng 100m rồi quật xác chết đã chôn hôm trước đem chôn lại hố mới và nguy trang kỹ.

Qua điều tra, Nguyễn Minh C, Bùi Văn L, Bùi Thanh S1, Võ Văn T4 bị bắt tạm giam, đêm 20 rạng sáng ngày 21/7/1982, Nguyễn Minh C có hành vi trốn trại khi đang bị tạm giam, lực lượng Công an truy bắt, C chống trả lại quyết liệt nên bị bắn chết. Ngày 29/7/1982, theo bản án hình sự sơ thẩm số 62/HS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Nghĩa Bình xử phạt tử hình đối với Võ Văn T4 và Bùi Thanh S1, xử phạt chung thân đối với Bùi Văn L về tội “Giết người và cướp tài sản riêng của công dân” và tại Bản án phúc thẩm hình sự số 298 ngày 27/8/1982 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt tử hình đối với Võ Văn T4 và Bùi Thanh S1, xử phạt chung thân đối với Bùi Văn L.

Ngày 05/01/2024, khi Phan Thanh V đang trốn truy nã tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q bắt giữ.

*Kết quả giám định:

- Ngày 21/04/1981, Hội đồng giám định Pháp y tỉnh N có Biên bản khám nghiệm tử thi số 98/PY, kết luận nguyên nhân chết đối với tử thi là nữ giới, khoảng 20 - 26 tuổi (chưa rõ quê quán) ở hố thứ nhất, xác thứ nhất: Bị vỡ xương hộp sọ do vật tù tác động với lực mạnh.

- Ngày 21/04/1981, Hội đồng giám định Pháp y tỉnh N có Biên bản khám nghiệm tử thi số 99/PY, kết luận nguyên nhân chết đối với tử thi là nam giới, khoảng 12 - 15 tuổi (thiếu niên, chưa rõ quê quán) ở hố thứ nhất, xác thứ hai: Bị dập vỡ nát xương sọ do tác động của vật tù có lực mạnh.

- Ngày 22/4/1981, Hội đồng giám định Pháp y tỉnh N có Biên bản khám nghiệm tử thi số 100/PY, kết luận nguyên nhân chết đối với tử thi là nam giới, khoảng 38 - 42 tuổi (chưa rõ quê quán) ở hố thứ hai, xác thứ nhất: Bị vỡ nát đốt sống cổ.

- Ngày 22/4/1981, Hội đồng giám định Pháp y tỉnh N có Biên bản khám nghiệm tử thi số 101/PY, kết luận nguyên nhân chết đối với tử thi là nữ giới, khoảng 25 - 30 tuổi (chưa rõ quê quán) ở hố thứ hai, xác thứ hai: Tắc đường hô hấp trên đột ngột.

- Ngày 22/04/1981, Hội đồng giám định Pháp y tỉnh N có Biên bản khám nghiệm tử thi số 102/PY, kết luận nguyên nhân chết đối với tử thi là nam giới, khoảng 25 - 30 tuổi (chưa rõ quê quán) ở hố thứ ba, xác thứ nhất: Bị hung khí

bằng kim loại xuyên từ phải qua trái gây vỡ nát xương đá và bị đa thương tích do vật tù, tày gây nên.

- Ngày 22/4/1981, Hội đồng giám định Pháp y tỉnh Nghĩa Bình có Biên bản khám nghiệm tử thi số 103/PY, kết luận nguyên nhân chết đối với tử thi là nam giới, khoảng 20 - 25 tuổi (chưa rõ quê quán) ở hố thứ ba, xác thứ hai: Đa vết thương bằng hung khí có sức công phá, làm vỡ nát hộp sọ và gây bể xương đòn, chảy máu vào trong phổi.

- Ngày 04/5/2024, Phòng K1 Công an tỉnh Q có Kết luận giám định số 332/KL-KTHS, kết luận dấu vân tay của Phan Thanh V như sau: Các dấu vân tay in trên D1 - Chỉ bản số 25, đề họ tên Phan Thanh V (sinh ngày 01/8/1953; CCCD số: 096053001723; nơi thường trú: thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi), lập ngày 31/01/2024 tại PCI 1 - C2 (bản gốc) với các dấu vân tay in trên tờ khai Chứng Minh Nhân Dân số 210295154, đề họ tên Phan Thanh V (sinh ngày 03/02/1953; nơi thường trú: C, B, B, N), lập ngày 26/12/1978, tại tỉnh Nghĩa Bình (bản gốc) là của cùng một người in ra.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Căn cứ vào các điểm a, b, e, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phan Thanh V phạm tội “Giết người”; Xử phạt bị cáo Phan Thanh V tử hình.

2. Căn cứ vào các điểm a, d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phan Thanh V phạm tội “Cướp tài sản”; Xử phạt bị cáo Phan Thanh V 09 (C1) năm tù.

3. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản” là tử hình.

Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Thanh V để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định.

[3] Kháng cáo:

Ngày 19 -11-2024, bị cáo Phan Thanh V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Nêu lý do kháng cáo là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nay tuổi đã cao sức yếu và bệnh nặng; trước đây có tham gia kháng chiến và được tặng Giấy khen; gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo **V** giữ nguyên kháng cáo, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo cùng trình bày ý kiến tranh luận: bị cáo **V** từ đầu chưa có ý định tìm người muốn vượt biên đưa về Quảng Ngãi để giết người cướp của, khi **C** có ý định giết người thì bị cáo cũng thấy sợ muốn can ngăn, bị cáo không bắn các bị hại vì tay bị cụt các ngón. Bị cáo **V** có công cách mạng nên đề nghị được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hiện nay bị cáo tuổi đã cao, có nhiều bệnh tật nên xin được giảm án để được sống những ngày còn lại cuối đời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét kháng cáo của bị cáo **Phan Thanh V** thì thấy các cơ quan tiến hành tố tụng sơ thẩm đã làm rõ nội dung vụ án, đánh giá đúng tính chất và mức độ hậu quả của hành vi phạm tội và tuyên hình phạt đúng quy định pháp luật; không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của người bào chữa, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Những tài liệu, chứng cứ được các Cơ quan tiến hành tố tụng thu thập có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự:

Ngày 08/4/1981, **Phan Thanh V** cùng đồng phạm thực hiện hành vi giết người và cướp tài sản, sau đó bỏ trốn. Căn cứ Luật số 103-SL/L.005 ngày 20/5/1957 (Quy định về đảm bảo quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân do Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký), ngày 15/4/1981 **T6 Công an tỉnh N** ra Lệnh truy nã khẩn cấp số 183/Đ5 đối với **Phan Thanh V**; đến ngày 05/01/2024 **V** bị bắt giữ theo Lệnh truy nã.

Theo quy định tại các Bộ luật năm 1985, năm 1999, năm 2015, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự tính từ ngày thực hiện tội phạm; trong thời hạn quy định người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã thì thời hiệu

tính từ ngày người đó ra tự thú hoặc bị bắt. Do đó, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **Phan Thanh V** tính từ ngày Việt bị bắt giữ (ngày 05/01/2024).

Về việc trong hồ sơ lưu trữ không có Quyết định khởi tố bị can, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với **Phan Thanh V**: thời điểm **Phan Thanh V** cùng đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội (ngày 08/4/1981) chịu sự điều chỉnh của Luật số 103-SL/L.005 ngày 20/5/1957 và Sắc Luật số 02/SL ngày 15/5/1976 (quy định việc bắt, giam, khám người, khám nhà ở, khám đồ vật của Hội đồng Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa **miền N Việt Nam** ký) không quy định về việc ra Quyết định khởi tố bị can tại thời điểm ra Lệnh truy nã khẩn cấp không làm ảnh hưởng đến bản chất khách quan hành vi phạm tội của **Phan Thanh V**.

[3] Về hành vi phạm tội:

Vào khoảng đầu tháng 3/1981, sau khi bàn bạc với **Nguyễn Minh C** và **Bùi Văn L**; **Phan Thanh V** vào **quận P, thành phố Hồ Chí Minh** để tìm người muốn trốn đi nước ngoài (Vượt biên) về **xã B, huyện B** để nhận tiền công của **Nguyễn Minh C**. Khi vào thành phố Hồ Chí Minh thì **Phan Thanh V** vào nhà **Bùi Văn T2** (Bà con với **V**) để hỏi về việc biết ai muốn trốn đi nước ngoài không thì được **T2** giới thiệu một số người và dẫn **V** đến nhà họ đến bàn bạc.

Sau khi gặp, thỏa thuận xong thì ngày 06/4/1981, **Phan Thanh V** cùng với **Bùi Văn T2** dẫn một số người ở **Thành phố Hồ Chí Minh về xã B**, gồm có: **Phạm Thị Phương T3, Hoàng Vũ A, Trần Thị Kim P, Nguyễn Tuấn K, anh em ruột Trịnh Đức B và Trịnh Đức B1, Bùi Quang Á** và 03 cha con ông **Võ Bá Bửu**.

Sau đó, **Phan Thanh V** cùng **Võ Văn T4** đến nhà **Nguyễn Minh C** vào khoảng 12 giờ ngày 07/4/1981 và gặp **Bùi Văn L, Bùi Thanh S1** cũng ở đó. Tại đây thì **Nguyễn Minh C** cùng bàn bạc với **Phan Thanh V, Võ Văn T4, Bùi Văn L, Bùi Thanh S1** đưa ra 02 phương án: “Một là: Đưa hết số người Việt dẫn từ **Thành phố H** ra biển trời chật lại, lục lấy hết tài sản rồi cột đá vào người thả xuống biển phi tang”, “Hai là: Đưa ra bãi cát **P, xã B** bắn chết, cướp lấy tài sản rồi đào hố chôn sâu để phi tang”. Tất cả thống nhất với phương án thứ nhất, rồi **Nguyễn Minh C** phân công **L** mang súng Carbin của **L, T4** mang súng K54 của **T4**, còn súng AR15 của du kích **xã B** đưa cho **S1, C** mang súng Colt 45 của **C; V** chịu trách nhiệm dẫn người ra nơi đã định đúng 22 giờ ngày 08/4/1981 để hành động.

Khoảng 19 giờ ngày 08/4/1981, **V** và **T4** dẫn 06 bị hại gồm: **Trịnh Đức B, Trịnh Đức B1, Phạm Thị Phương T3, Hoàng Vũ A, Trần Thị Kim P và Nguyễn Tuấn K** (dưới 16 tuổi) đến bãi cát **thôn P, xã B** như kế hoạch. Khoảng 20 giờ ngày 08/4/1981, **C, L** và **S1** mang súng đến, **C** nói “Hôm nay gió **N2** to quá, ghe không đi được, phải thực hiện phương án 2”, nên cả nhóm thống nhất phương án 2 là “Bắt trời, bịt mắt, bắn chết, cướp của rồi chôn tại chỗ”. Các bị cáo đã lần lượt dùng súng bắn và dùng cuộc giết 06 bị hại theo kế hoạch đã thống nhất, tiến hành lục soát lấy tài sản của họ, rồi đào 03 hố chôn xác các bị hại.

Sau khi **C, T4, L, S1** và **V** giết xong 6 người bị hại thì cướp lấy tài sản đem về nhà **L** chia nhau mỗi người 02 chỉ vàng, 50 đồng, quần áo, đồng hồ, thức ăn... và cùng nhau ăn bánh kẹo. Sau khi chia xong tài sản cướp được, **L** viết thư phân

công V cầm thư vào TP. lừa dối gia đình có người đi vượt biên để nhận 05 lượng vàng còn lại về chia. V cầm thư vào thành phố Hồ Chí Minh đến nhà ông Huỳnh T5 (là anh của Hoàng Vũ A) nhận lấy 01 lượng vàng, nhưng do nghi ngờ đã bị phát hiện nên bỏ trốn, sau đó sống tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Đối với Nguyễn Minh C, Bùi Văn L, Bùi Thanh S1, Võ Văn T4 bị bắt tạm giam, đêm 20 rạng sáng ngày 21/7/1982, Nguyễn Minh C có hành vi trốn trại khi đang bị tạm giam, lực lượng Công an truy bắt, C chống trả lại quyết liệt nên bị bắn chết. Ngày 29/7/1982, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 62/HS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Nghĩa Bình xử phạt tử hình đối với Võ Văn T4 và Bùi Thanh S1, xử phạt chung thân đối với Bùi Văn L về tội “Giết người và cướp tài sản riêng của công dân” và tại Bản án phúc thẩm hình sự số 298 ngày 27/8/1982 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử án sơ thẩm, phạt tử hình đối với Võ Văn T4 và Bùi Thanh S1, xử phạt chung thân đối với Bùi Văn L.

Ngày 05/01/2024, khi Phan Thanh V đang trốn truy nã tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q bắt giữ.

Bị cáo Phan Thanh V là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng bị cáo đã cùng với các đồng phạm khác đã có sự trao đổi, lên kế hoạch phạm tội và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người, nên đây là phạm tội có tổ chức, phạm tội đối với người dưới 16 tuổi và đối với 02 người trở lên, có tính chất côn đồ; liền ngay sau khi giết người, bị cáo cùng đồng phạm phạm tội “Cướp tài sản”. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định bị cáo Phan Thanh V phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm a, b, e, n, o khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xem xét về hình phạt:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tự nguyện tác động gia đình nộp tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q số tiền 30.000.000 đồng bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, mặc dù gia đình bị hại không nhận nhưng vẫn xem xét cho bị cáo; từ năm 1972 đến năm 1974, bị cáo tham gia hoạt động cách mạng được BCH 169 Quân giải phóng Miền trung Trung bộ tặng giấy khen vì có thành tích tốt trong chấp hành chỉ thị, mệnh lệnh cấp trên. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Thời điểm phạm tội bị cáo 28 tuổi, tại thời điểm xét xử thì bị cáo V đã hơn 70 tuổi nhưng chưa đến 75 tuổi, theo Hướng dẫn tại mục 3 phần I của Giải đáp 02/TANDTC ngày 02-8-2021 thì bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: về hành vi “Giết người” của bị cáo đã vi phạm 05 tình tiết định khung tăng nặng quy định tại

khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và về hành vi “Cướp tài sản” của bị cáo đã vi phạm 03 tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Bị cáo cùng các đồng phạm đã lên kế hoạch rồi tước đoạt 06 tính mạng người và chiếm đoạt tài sản của bị hại; sau khi gây án bị cáo bỏ trốn, nên phải truy nã trong thời gian rất dài. Tội phạm mà bị cáo **Phan Thanh V** đã thực hiện cùng với đồng phạm là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, hành vi dã man và không còn tính người, gây ảnh hưởng đặc biệt xấu đến tình hình trật tự xã hội, cần phải nghiêm trị nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Bản án hình sự sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và mức độ về hành vi phạm tội, đã quyết định hình phạt tử hình đối với bị cáo về tội “Giết người” và 09 năm tù về tội “Cướp tài sản” là đúng quy định pháp luật, phù hợp với tính chất và mức độ hậu quả của hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV “Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”; buộc bị cáo **Phan Thanh V** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phan Thanh V**, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Áp dụng các điểm a, b, e, n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Phan Thanh V**: Tử hình, về tội “Giết người”.

3. Áp dụng các điểm a, d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Phan Thanh V** 09 (C1) năm tù, về tội “Cướp tài sản”.

4. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản” là: Tử hình.

Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo **Phan Thanh V** để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo **Phan Thanh V** có quyền làm đơn gửi Chủ Tịch nước để xin ân giảm án tử hình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Phan Thanh V** phải chịu 200.000 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKS ND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Long

